SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM Y TẾ ANH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 2176 /QĐ-TTYT

Anh Sơn, ngày 12 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ ANH SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp số 2155/BB-HĐMS ngày 10/11/2026 của Hội đồng mua sắm Trung tâm Y tế Anh Sơn v/v thống nhất kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-TTYT ngày 11/11/2026 của Trung tâm Y tế Anh Sơn Về việc bố trí nguồn vốn để mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-TTYT ngày 11/11/2026 của Trung tâm y tế Anh Sơn về việc phê duyệt danh mục, dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn;

Căn cứ tờ trình số 2174/TTr-TTYT.TCGĐT ngày 12/11/2026 của Tổ chuyên gia

đấu thầu về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia đấu thầu, Khoa Dược-TTB-VTYT, phòng Tài chính kế toán Trung tâm Y tế Anh Sơn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, đúng quy trình.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Tổ chuyên gia đấu thầu, Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT, Trưởng phòng TCKT và các cá nhân, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, TCGĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
TRUNG TÂM Y TẾ ANH SƠN

Nguyễn Văn Khanh

PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 -2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn

(Kèm theo Quyết định số 2176 /QĐ-TTYT ngày 12 / 11/2026 của Trung tâm Y tế Anh Sơn)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế Anh Sơn	Cung ứng các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 - 2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn	Cung ứng các mặt hàng hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 - 2027 cho Trung tâm Y tế Anh Sơn	1.999.440.730	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh, nguồn thu bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác của Trung tâm Y tế Anh Sơn năm 2026 - 2027	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	-	45 ngày	Qúy IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không
Tổng giá trị gói thầu: 1.999.440.730 đồng; *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi đồng).*												

PHỤ LỤC 2

CHI TIẾT TỪNG PHẦN CỦA GÓI THẦU: CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2026-2027 CHO TRUNG TÂM Y TẾ ANH SƠN

(Kèm theo Quyết định số 2176 /QĐ-TTYT ngày 12 / 11 /2026 của Trung tâm y tế Anh Sơn)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	HH01	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	31935	FERRITIN	BioSystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin; Thành phần: Thuốc thử A chứa dạng dung dịch, chứa đệm glycin 170 mmol/L, natri clorid 100 mmol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,2; Thuốc thử B chứa dạng hỗn dịch, chứa hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin người, natri azid 0,95 g/L; Phương pháp: Đo độ đục, Latex; Loại mẫu: Huyết thanh; Khoảng đo: 5,4 - 500 µg/L; Giới hạn phát hiện: 5,4 µg/L; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4%. Quy cách: Hộp 1 x30mL + 1 x 15mL	Hộp	20	6.423.165	128.463.300
2	HH02	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	31921	C-REACTIVE PROTEIN (CRP)	BioSystems S.A.	Tây Ban Nha	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP. Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6; Thuốc thử B chứa hỗn dịch các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L. Phương pháp: Đo độ đục, Latex. Loại mẫu: Huyết thanh. Giới hạn phát hiện: 1 mg/L. Giới hạn tuyến tính: 150 mg/L. Độ lặp lại: CV ≤ 4,5%. Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%. Quy cách: Hộp 1 x 40mL + 1 x 10mL	Hộp	22	1.906.800	41.949.600
3	HH03	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	HF04917040-F	HbA1c	Centronic GmbH	Đức	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng HbA1c ở huyết thanh người - Thành phần: Latex: 0.13%. Buffer. stabilizer; natri azide (0.95 g/L); Buffer; Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody: 0.05 mg/mL. goat anti-mouse IgG polyclonal antibody: 0.08 mg/dL; Stabilizers - Khoảng đo: 2 – 16% Quy cách: Hộp 1 x 42 ml	Hộp	10	7.195.600	71.956.000
4	HH04	Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải	R04S001	Pack ISE 3000	SFRI SAS	Pháp	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl trong mẫu huyết thanh. Thành phần: Buffer < 0.1%, Inorganic salts < 3,0%, Preservative < 0.05% Quy cách: Hộp 1000ml (Standard A 650 ml + Standard B 350 ml)	Hộp	15	8.258.250	123.873.750

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
5	HH05	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	UF01917084-F3	Urea UV Fluid 5+1	Centronic GmbH	Đức	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Urea ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: TRIS buffer pH 8.1 (20°C): 50.00 mmol/l; α-Ketoglutarate: 15.00 mmol/l; Urease: ≥ 1000 U/l; Glutamate dehydrogenase: ≥ 5.4 KU/l; NADH: 0.18 mmol/l - Khoảng đo: 3-400 mg/dl Quy cách: Hộp 3 x 84 ml	Hộp	6	2.260.000	13.560.000
6	HH06	Bi từ phản ứng		Bi từ phản ứng	Media IVD S.r.l	Italia	Bi từ phản ứng dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Quy cách: 640 viên / lọ	Lọ	5	2.050.000	10.250.000
7	HH07	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đông máu Fibrinogen	1201345052	Fibrinogen	Media IVD S.r.l	Italia	Thành phần: dạng đông khô gồm Bovine thrombin, Calibrator plasma, Control plasma. Độ ổn định: + Bovine thrombine: 8 giờ ở nhiệt độ 15-25°C, 7 ngày nếu đông lạnh ở –20°C ngay sau khi pha. Độ ổn định chỉ có giá trị đối với thuốc thử vào lọ ban đầu. + Calibrator plasma và Control plasma: 8 giờ ở nhiệt độ 15-25°C, 2 ngày nếu đông lạnh ở –20°C ngay sau khi pha. Độ ổn định chỉ có giá trị đối với thuốc thử vào lọ ban đầu. Hộp 5x2ml +1x1ml +1x1ml.	Hộp	3	4.850.000	14.550.000
8	HH08	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đông máu PT	120103554	PT ISI 1	Media IVD S.r.l	Italia	Thành phần: R1: Thromboplastin chiết xuất từ não thỏ, PIPES buffer, sodium azide làm chất bảo quản. Độ ổn định sau hoàn nguyên: 7 ngày ở nhiệt độ 2-8°C lưu trữ trong ống nghiệm gốc chưa nhiễm bẩn. Quy cách: Hộp 5 x 4ml	hộp	15	4.700.000	70.500.000
9	HH09	Cuvette phản ứng		Cuvette phản ứng	Media IVD S.r.l	Italia	Cuvette phản ứng loại cóng phản ứng dùng trong máy xét nghiệm đông máu Quy cách: Hộp 160 chiếc	Hộp	30	1.850.000	55.500.000
10	HH10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đông máu APTT	121000154	APTT Acid Ellagic	Media IVD S.r.l	Italia	Xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa. Thành phần: R1 Cefalin là chất hoạt hóa xúc tác (chất lỏng), R2 Calcium chlorice. Giữ ổn định: 30 ngày ở 2-8°C. Quy cách : Hộp 5x 4ml + 1 x 20ml	hộp	10	4.800.000	48.000.000
11	HH11	Chất kiểm tra các thông số xét nghiệm đông máu	1201038101	Control Plasma Normal	Media IVD S.r.l	Italia	Huyết tương kiểm soát bình thường. Thành phần: Huyết tương người bình thường, khô đông lạnh. Độ ổn định: 4 giờ ở nhiệt độ 15-25°C, 2 ngày nếu đông lạnh ở –20°C ngay sau khi pha. Độ ổn định chỉ có giá trị đối với thuốc thử vào lọ ban đầu.	Lọ	5	450.000	2.250.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
12	HH12	Chất kiểm tra các thông số xét nghiệm đông máu	1201039101	Control Plasma Path	Media IVD S.r.l	Italia	Huyết tương kiểm soát bệnh lý. Thành phần: Huyết tương người được thu thập với Sodium Citrate <0,4% như thuốc chống đông máu, Hepes 0,6%, Sodium hydroxide 0,08%, Lithium chloride 0,04%, Polybrene 0,001%. Không chứa các chất độc hại. Độ ổn định sau hoàn nguyên: 8 giờ ở nhiệt độ 2 - 8°C.	Lọ	5	450.000	2.250.000
13	HH13	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bất thường	CPATH020-F	Centropath	Centronic GmbH	Đức	- Mục đích sử dụng: Huyết thanh kiểm soát chất lượng - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết tương người, đã khử fibrin Quy cách: Lọ 5ml	Lọ	15	600.000	9.000.000
14	HH14	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	CNORM020-F	Centronorm	Centronic GmbH/ Đức	Đức	- Mục đích sử dụng: huyết thanh kiểm soát chất lượng - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết tương người, đã khử fibrin Quy cách: Lọ 5ml	Lọ	15	600.000	9.000.000
15	HH15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	CCAL020-F	Centrocal	Centronic GmbH	Đức	- Mục đích sử dụng: huyết thanh hiệu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm trên máy sinh hóa - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người. Quy cách: Lọ 3ml	Lọ	15	600.000	9.000.000
16	HH16	Giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	81901	Access Immunoassay System Reaction Vessels Quy cách: Hộp 16x98cái	Greiner Bio-One North America Inc., Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Quy cách: Hộp 16 x 98 cái	Hộp	15	3.918.432	58.776.480
17	HH17	Dung dịch rửa đậm đặc cho máy phân tích huyết học	54004003	Count P3	Agappe Diagnostics Ltd.	Ấn Độ	Được dùng để vệ sinh định kỳ đầu dò mẫu trong máy phân tích huyết học 3 thành phần Mispa Count Thành phần: + Surfactant: > 2.0g/L + Sodium hypochlorite: > 100 g/L + Sodium chloride: > 100 g/L Quy cách: Hộp (4 x 50 mL)	Hộp	12	1.199.000	14.388.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
18	HH18	Huyết áp và ống nghe				Nhóm nước G7	Cấu hình của huyết áp : - 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn - 01 bao hơi cao su - 01 túi đựng giả da Cấu hình của Ống nghe : - 01 bộ phận mặt nghe làm bằng nhôm, được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa. - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC Xuất xứ các nước thuộc nhóm G7 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	600.000	60.000.000
19	HH19	Clip Polymer kẹp mạch máu có răng chống trượt nhọn-gấp góc các cỡ ML, L, XL				Nhóm nước G7	Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lồi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có chân bám hình trụ sắp sếp so le nhau, phía đầu có răng hình nón - gập góc 45 độ hướng về tâm mô kẹp. Kiểu khớp động Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE Xuất xứ: nhóm nước G7	Cái	1.500	65.500	98.250.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	HH20	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	GM-001-018	Ningbo Great Moutain	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	- Bộ lọc đo phế dung bao gồm vỏ (nắp trên và nắp dưới), màng lọc và ống ngậm. - Tương thích với máy đo chức năng hô hấp model Spiromaster PC-10 - Hiệu suất lọc khuẩn: 99.99% - Trở kháng tại 15pa tại 30L/ phút - Công nghệ hàn siêu âm (UW) - Chất liệu: nhựa y tế PP có độ bên cơ học cao - Vật liệu lọc: màng tĩnh điện PP - Ống ngậm: Hình elip tiện lợi - Tiệt trùng bằng khí EO - Đóng gói: 1 chiếc/ túi - Đầu nối với máy: Đường kính trong 30, đường kính ngoài 33mm.	Cái	8.000	18.000	144.000.000
21	HH21	Tay dao Plasma cắt Amidan và nạo VA (Chiều dài: 120mm)	PLA401	NANOS	Mechan	Trung Quốc	Kích thước làm việc: Đường kính đầu lưỡi dao: ⌀4.4mm (± 0.3mm); Góc uốn cong: 20° (± 5°); Chiều dài: 120mm (± 5mm). Tay dao tích hợp kênh bơm hút nước muối riêng giúp kiểm soát nhiệt độ khi phẫu thuật, hạn chế tổn thương mô xung quanh. Lưỡi dao thiết kế uốn cong kéo dài, giúp dễ dàng thao tác khi loại bỏ mô. Có chế độ Cắt đốt & Đông tụ/ cầm máu. Dùng trong phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA. Có chứng nhận ISO 13485 và CE.	Cái	15	4.620.000	69.300.000
22	HH22	Tay dao Plasma cắt Amidan và nạo VA (Chiều dài: 140mm)	PLA402	NANOS	Mechan	Trung Quốc	Kích thước làm việc: Đường kính đầu lưỡi dao: ⌀4.4 (± 0.3mm); Góc uốn cong 20° (± 5°); Chiều dài: 140mm (± 5mm). Tay dao tích hợp kênh bơm hút nước muối riêng giúp kiểm soát nhiệt độ khi phẫu thuật, hạn chế tổn thương mô xung quanh. Lưỡi dao thiết kế uốn cong kéo dài, dễ điều chỉnh hơn, cải thiện tầm nhìn phẫu thuật và thích ứng với các vùng giải phẫu khác nhau. Có chế độ Cắt đốt & Đông tụ/ cầm máu. Dùng trong phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA. Có chứng nhận ISO 13485 và CE.	Cái	15	4.620.000	69.300.000
23	HH23	Điện cực cắt đốt	27050G		KARL STORZ SE & Co. KG	Đức	Điện cực cắt đốt, cỡ 24/26 Fr, dạng vòng ,với đầu cắm 01 chân	Cái	10	2.821.500	28.215.000
24	HH24	Van đa năng, cỡ 11 mm	30103M1		KARL STORZ SE & Co. KG	Đức	Van đa năng, cỡ 11 mm, phù hợp với trocar cỡ 11mm	Cái	2	12.097.000	24.194.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
25	HH25	Dây truyền quang dùng cho hệ thống tán sỏi laser	M0068F64510 M0068F64630 M0068F64530 M0068F64550 M0068F64570		Boston Scientific Limited	Ireland	Dây dài 3m , đường kính trong của dây là 365 µm, đường kính ngoài của dây là 600 µm phù hợp với kênh làm việc tối thiểu từ 2.5Fr-5Fr	Cái	4	18.000.000	72.000.000
26	HH26	Miếng dán điện xung			Aukewel	Trung Quốc	Miếng dán điện xung trị liệu. Dùng cho máy vật lý trị liệu MF5-08.	Cặp	1.000	55.000	55.000.000
27	HH27	Miếng dán điện xung 6 x 9cm	GM-011-011		Ningbo Great Mountain Medical Instrument Co. Ltd.	Trung quốc	Dùng cho máy điện xung, Cặp miếng dán điện xung dẻo 6cm x 9cm	Cặp	1.000	48.400	48.400.000
28	HH28	Composite lỏng A3.5					Dạng lỏng màu A3.5. Dùng trám thẩm mỹ, trám lót, che phủ cùi. Quy cách: Tuýp ≥ 2g	Tuýp	10	289.382	2.893.820
29	HH29	Composite đặc A3.5					Composite đặc màu A3.5 . Trám răng trước và răng sau. Quy cách: Tuýp ≥ 4g	Tuýp	10	320.000	3.200.000
30	HH30	Acid phosphoric					Thành phần : 37% acid phosphoric. Sử dụng trong kỹ thuật xoi mòn men hoặc xoi mòn toàn phần. Dạng gel. Quy cách: Tuýp ≥5g	Tuýp	10	95.000	950.000
31	HH31	Cortisomol					Chất hàn ống tủy Cortisomol .Dùng trong để trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Quy cách: Hộp≥ 23g	Hộp	5	980.000	4.900.000
32	HH32	Chất diệt tuỷ					Chất diệt tủy răng - Không chứa Arsenic - Thành phần: Paraformaldehyde - Dạng bột nhão tác dụng nhanh và giảm đau. Quy cách:Lọ ≥3g	Lọ	10	386.000	3.860.000
33	HH33	Calcium Hydroxide					Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tuỷ. Quy cách: Lọ ≥10g	Lọ	15	123.000	1.845.000
34	HH34	Eugenol					Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa. Quy cách: Lọ ≥30 ml	Lọ	5	130.000	650.000
35	HH35	Ceivitron					Dùng cho trám tạm xoang răng sâu hoặc trám tạm ống tủy. Quy cách: Hộp ≥30g	Hộp	50	184.800	9.240.000
36	HH36	Đai kim loại trám răng					Đai trám răng nha khoa. Lá thép mỏng dẻo, dễ bẻ cong, bề mặt nhẵn dùng để phục hồi thân răng trong nha khoa	Cái	120	32.500	3.900.000
37	HH37	Chêm gỗ nha khoa					Chêm gỗ dùng trong nha khoa các cỡ	Cái	300	3.000	900.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
38	HH38	Ống hút nước bọt					Ống hút nước bọt dùng 1 lần, sử dụng trong nha khoa, chất liệu nhựa dùng trong y tế, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Cái	2.000	1.050	2.100.000
39	HH39	Bông cuộn cách ly					Gòn cuộn nha khoa trắng, thấm hút tốt. Dùng để cách ly vùng điều trị khỏi nước bọt và mô mềm	Cuộn	1.000	9.100	9.100.000
40	HH40	CO2 y tế					Bình 40 lít. Nồng độ ≥ 99,9%, trọng lượng 23 ± 5% kg/bình.	Bình	40	240.000	9.600.000
41	HH41	Oxy y tế 10L					Oxy y tế nồng độ ≥ 99,6%; chứa trong chai dung tích ≥ 10 lít, áp suất nạp ≥ 150 bar, áp suất thường ≥ 130 bar.	Bình	150	45.274	6.791.100
42	HH42	Oxy y tế 40 lít					Oxy y tế nồng độ ≥ 99,6%; chứa trong chai dung tích ≥ 40 lít, áp suất nạp ≥ 150 bar, áp suất thường ≥ 130 bar.	Bình	3.000	70.000	210.000.000
43	HH43	Bơm tiêm Insulin các cỡ					- Bơm tiêm dung tích 1ml, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	60.000	1.700	102.000.000
44	HH44	Găng kiểm tra dùng trong y tế có bột các cỡ					Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng được cả hai tay. Kích thước: size S, M, L	Đôi	100.000	1.500	150.000.000
45	HH45	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 kháng khuẩn số 2/0					Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP, số 2/0 dài ≥70cm, kim tròn đầu tròn bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Sợi	360	86.013	30.964.680

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Yêu cầu về thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
46	HH46	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B					Phát hiện định tính và phân biệt kháng nguyên virus cúm type A và cúm type B trực tiếp từ mẫu bệnh phẩm là dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng. Độ nhạy ≥ 91,8%, độ đặc hiệu ≥ 98,9% so với nuôi cấy và RT-PCR. Không có phản ứng chéo với 32 chủng vi khuẩn và virus đã được chứng minh.	Test	1.200	65.000	78.000.000
47	HH47	Khóa 3 chạc có dây nối					- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh - Được sử dụng để chuyển vị trí thao tác ra khỏi vị trí chọc hút tĩnh mạch. - Khóa ba chiều quản lý cơ sở vật chất bổ sung từ cổng bên cũng như chuyển đổi đường dây. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016	Cái	2.000	4.150	8.300.000
48	HH48	Dây dẫn đường Guide Wire					Cấu tạo: lõi hợp kim nitinol phủ polyurethan và Hydrophilic. Hình dạng đầu tip: thẳng, cong hoặc chữ J. Chiều dài dây dẫn 150cm, chiều dài phần đầu linh hoạt 3-5cm, đường kính từ 0.018" đến 0.038". Có cả loại cứng và mềm	Cái	16	520.000	8.320.000
Tổng											**1.999.440.730**
Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi nghìn đồng ./.											